TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST
Ngày: 24-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ - TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chí Điền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thành Tiết;

Ông Ngô Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Ngô Thị Ngọc A, sinh năm 1971 (có mặt);

2. Ông Võ Hoàng T, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:*

1. Ông Thạch Thanh L, sinh năm 1976 (vắng mặt);

2. Bà Thạch Thị Rồm N, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 11 năm 2022 (BL 01-03) và trong quá trình xét xử, ông Võ Hoàng T và bà Ngô Thị Ngọc A là nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 17/9/2018 (âm lịch) bà N đến nhà ông T và bà A mượn 20.000.000 đồng. Đến ngày 25/8/2018 ông L là chồng bà N tiếp tục đến nhà ông T và bà A mượn 40.000.000 đồng. Đến ngày 23/10/2018 ông L lại mượn thêm 20.000.000 đồng, đến ngày 27/11/2018 ông L lại mượn thêm 20.000.000 đồng. Tổng số tiền mà ông L và bà N mượn của ông T và bà A là 100.000.000 đồng. Sau đó vào ngày tháng năm nào ông T và bà A không nhớ thì ông L và bà N có trả cho ông T và bà A 15.000.000 đồng tại nhà ông L và bà N.

Còn lại số tiền là 85.000.000 đồng ông T và bà A đòi hoài mà ông L và bà N không trả nên ông T và bà A đã khởi kiện ông L và bà N yêu cầu trả số tiền này. Tòa án đã thụ lý vụ án, sau đó mời ông L và bà N đến hòa giải vào ngày 17/7/2020 (dương lịch) nhưng chỉ có một mình ông L có mặt, tại Tòa án ông L có viết giấy cam kết là vợ chồng ông L còn thiếu ông T và bà A 85.000.000 đồng và hứa sẽ trả mỗi tháng 10.000.000 đồng nên ông T và bà A mới rút đơn khởi kiện lại và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án vào ngày 17/7/2020. Sau đó ông L có trả nhiều lần cho ông T và bà A số tiền là 38.000.000 đồng nên còn thiếu lại 47.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả cho ông T và bà A. Do số nợ này xuất phát từ việc cả ông L và bà N cùng vay để ông L và bà N mua bán bò và ông L với bà N là vợ chồng nên ông T và bà A cùng khởi kiện cả ông L và bà N. Ông T và bà A không cung cấp gì thêm nữa và cũng không yêu cầu Tòa án xác minh vấn đề gì nữa.

Nay ông T và bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông L và bà N phải trả số tiền vay còn thiếu là 47.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Ông L và bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt và cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Tại phiên tòa các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai.

Phần tranh luận thì ông T và bà A không tham gia tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với các nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với các bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến nay không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông qua việc kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà A. Buộc ông L và bà N có trách nhiệm trả cho ông T và bà A số tiền vay còn thiếu là 47.000.000 đồng. Do ông T và bà A không yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc ông L và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày hôm nay, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ cho ông L và bà N đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông L và bà N vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào các điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông L và bà N là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Ông T và bà A khởi kiện yêu cầu ông L và bà N phải trả số tiền vay còn thiếu là 47.000.000 đồng vì ông bà cho rằng ông bà có cho ông L và bà N vay tiền nhiều lần đồng thời ông L, bà N cũng có trả tiền nhiều lần cho ông bà nên còn thiếu lại 47.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì ông T và bà A có cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án là *"Tờ cam kết"* của ông L, do ông L viết và ký tên ghi ngày 17/7/2020 (dương lịch) có nội dung là ông L thiếu ông T và bà A 85.000.000 đồng. Ông T và bà A trình bày là theo tờ cam kết thì ông L thiếu ông bà 85.000.000 đồng nhưng ông L và bà N đã trả được cho ông bà 38.000.000 đồng nên chỉ còn thiếu lại 47.000.000 đồng. Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà A. Qua xác minh tại địa phương nơi ông L và bà N cư trú thì được biết, ông L và bà N là vợ chồng chung sống với nhau từ khi kết hôn (năm 2002) đến nay không có thời gian sống ly thân, hiện tại ông L và bà N vẫn còn ở nhà chứ không có đi làm ăn xa (bút lục 66-67). Ông T và bà A cho rằng việc ông L và bà N vay tiền của ông bà là để mua bán bò (bút lục 54). Như vậy, xác định việc ông L và bà N vay tiền của ông T và bà A là để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30...."* và tại khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình"*. Do đó, xác định ông L và bà N cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn thiếu là 47.000.000 đồng như đã nêu trên cho ông T và bà A là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về lãi suất: Do ông T và bà A không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của ông T và bà A là có căn cứ nên cần buộc ông L và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 116, 117, 119, 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 và Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hoàng T và bà Ngô Thị Ngọc A.

Buộc ông Thạch Thanh L và bà Thạch Thị Rồm N có trách nhiệm trả cho ông Võ Hoàng T và bà Ngô Thị Ngọc A số tiền vay còn thiếu là 47.000.000 đồng.

Về lãi suất: Do ông Võ Hoàng T và bà Ngô Thị Ngọc A không yêu cầu ông Thạch Thanh L và bà Thạch Thị Rồm N phải trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Thạch Thanh L và bà Thạch Thị Rồm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.350.000 đồng (47.000.000 đồng x 5%). Ông Võ Hoàng T và bà Ngô Thị Ngọc A không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 1.175.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009274 ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chí Điền